PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Unit 3 Our friends L3 · Unit 4 Our bodies L1 (tr. 26–29)

Tuần 6



Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

fr__end tea__her f__ce h__nd

e__r e__e n__se th__t

Bài 2: Circle the correct answer

1. What's this? – It's ... ear. (A) a (B) an (C) my
2. What's that? – It's a ... (A) eye (B) ear (C) nose
3. This is my ..., Mai. (A) friend (B) face (C) hands
4. ... this? – It's a hand. (A) How is (B) What's (C) Is it

Bài 3: Put the words in order

1. my / This / friend. / is

.....

2. an / It's / eye.

.....

3. my / That's / Hoa. / teacher, / Ms

.....

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có th đọc giống từ đã cho

1. that → (A) thank (B) this (C) three
2. thank → (A) three (B) that (C) this

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

Guess what!

Hoa: Hi, Nam. This is my friend, Lan. Nam: Hello, Lan. Lan: Hi, Nam. What's this? Nam: It's an ear. Lan: No, it isn't. It's a nose. Hoa: What's that? Nam: It's an eye. Hoa: Yes, it is! Lan: Hello, Mr Long! Hoa: That's my teacher, Mr Long.

1. Hoa giới thiệu bạn nào với Nam? (A) Mai (B) Lan (C) Mr Long
2. Lan hỏi «What's this?» – đó là: (A) an ear (B) a nose (C) an eye
3. Nam đoán đúng câu nào? (A) It's an ear. (B) It's an eye. (C) It's a hand.
4. Mr Long là ai? (A) my friend (B) my teacher (C) Nam

Bài 6: Let's write: giới thiệu bạn và thầy cô

Viết 2–3 câu giới thiệu bạn và thầy / cô giáo của em.

This is my friend, ... / That's my teacher, ...

.....

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 6

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

friend teacher face hand ear eye nose that

Bài 2: Circle the correct answer

1. **B** (an) 2. **C** (nose) 3. **A** (friend) 4. **B** (What's)

Bài 3: Put the words in order

1. This is my friend.
2. It's an eye.
3. That's my teacher, Ms Hoa.

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có th đọc giống từ đã cho

1. **B** (this) 2. **A** (three)

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

1. **B** (Lan)
2. **B** (a nose)
3. **B** (It's an eye.)
4. **B** (my teacher)

Bài 6: Let's write: giới thiệu bạn và thầy cô

Mẫu: This is my friend, Nam. That's my teacher, Ms Hoa.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án